

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH				
Câu	Ý	Nội dung	Điểm	
<b>I</b>		<b>Vấn đề sử dụng đất nông nghiệp - Nguyên nhân dẫn đến đặc điểm phân hóa lãnh thổ sản xuất công nghiệp.</b>	<b>3,50</b>	
	<b>1</b>	<b>Trình bày vấn đề sử dụng đất nông nghiệp ở các vùng đồng bằng (2,5 điểm).</b>		
		<i>a) Đặc điểm và hiện trạng sử dụng đất ở các đồng bằng nói chung:</i> Đất phù sa, địa hình bằng phẳng, nguồn nước dồi dào, chủ yếu canh tác các nhóm cây trồng hàng năm, chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.		0,25
		<i>b) Vấn đề sử dụng đất nông nghiệp của các vùng đồng bằng</i> <b>* Đồng bằng sông Hồng</b> - Đặc điểm vốn đất: Chịu sức ép về dân số đối với việc sử dụng đất (bình quân đất nông nghiệp trên đầu người thấp nhất cả nước), đất nông nghiệp có dấu hiệu suy thoái. - Hiện trạng sử dụng và giải pháp: + Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ thích hợp; tận dụng triệt để diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản. + Bảo vệ đất nông nghiệp (chống sự suy thoái, quy hoạch, sử dụng...).		0,75
		<b>* Đồng bằng sông Cửu Long</b> - Đặc điểm vốn đất: Bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người lớn, đất phù sa được bồi đắp thường xuyên, tỉ lệ đất phèn, đất mặn lớn. - Hiện trạng sử dụng và giải pháp: + Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ ở những nơi có điều kiện (dải phù sa ngọt ven sông Tiền, sông Hậu...), sử dụng triệt để diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản. + Tăng cường công tác thủy lợi, cải tạo đất phèn, mặn.		0,75
<b>* Các đồng bằng duyên hải miền Trung</b> - Đặc điểm vốn đất: Là những đồng bằng nhỏ, hẹp, đất kém màu mỡ, đất nông nghiệp bị xâm lấn bởi cát biển, nhiều nơi bị khô hạn nghiêm trọng vào mùa khô. - Hiện trạng sử dụng và giải pháp: + Ở Bắc Trung Bộ: Việc sử dụng đất gặp khó khăn do sự xâm lấn của cát biển. Vì vậy, giải pháp cấp bách là chống nạn cát bay và sự di chuyển của cồn cát. + Ở các đồng bằng nhỏ duyên hải Nam Trung Bộ: Việc sử dụng đất gặp khó khăn lớn là sự thiếu nước vào mùa khô. Vì vậy cung cấp nước về mùa khô để nâng cao khả năng sử dụng đất là vấn đề rất quan trọng.	0,75			
<b>2</b>		<b>Nguyên nhân dẫn đến đặc điểm phân hóa lãnh thổ sản xuất công nghiệp (1,0 điểm).</b>		
		- Nêu nét chính trong sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp: Công nghiệp tập trung cao ở một số vùng (Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, Đông Nam Bộ), những vùng khác (Tây Nguyên, Tây Bắc...) có mức độ tập trung thấp hơn.		0,25

	<p>- Nguyên nhân:</p> <p>+ Những vùng tập trung công nghiệp cao là do có nhiều lợi thế về các nguồn lực (vị trí, điều kiện tự nhiên, dân cư, nguồn lao động...)</p> <p>+ Những vùng có mức độ tập trung công nghiệp thấp là do gặp phải những khó khăn về điều kiện tự nhiên, nguồn lực con người và nhiều nhân tố khác.</p>	0,50 0,25																															
<b>II</b>	<b>Vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích.</b>	<b>3,00</b>																															
<b>1</b>	<p><b>Xử lý số liệu và vẽ biểu đồ (1,5 điểm).</b></p> <p>a. Xử lý số liệu</p> <p>* Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt phân theo nhóm cây trồng (Đơn vị : %)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Năm</th> <th rowspan="2">Tổng số</th> <th colspan="4">Trong đó</th> </tr> <tr> <th>Cây lương thực</th> <th>Cây công nghiệp</th> <th>Rau đậu</th> <th>Cây khác</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1995</td> <td>100</td> <td>63,6</td> <td>18,4</td> <td>7,5</td> <td>10,5</td> </tr> <tr> <td>2005</td> <td>100</td> <td>59,2</td> <td>23,7</td> <td>8,3</td> <td>8,8</td> </tr> </tbody> </table> <p>* So sánh quy mô và bán kính biểu đồ</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>So sánh quy mô giá trị</th> <th>So sánh bán kính biểu đồ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1995</td> <td>1,0</td> <td>1,0</td> </tr> <tr> <td>2005</td> <td>1,6</td> <td>1,3</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Tổng số	Trong đó				Cây lương thực	Cây công nghiệp	Rau đậu	Cây khác	1995	100	63,6	18,4	7,5	10,5	2005	100	59,2	23,7	8,3	8,8		So sánh quy mô giá trị	So sánh bán kính biểu đồ	1995	1,0	1,0	2005	1,6	1,3	0,50
Năm	Tổng số			Trong đó																													
		Cây lương thực	Cây công nghiệp	Rau đậu	Cây khác																												
1995	100	63,6	18,4	7,5	10,5																												
2005	100	59,2	23,7	8,3	8,8																												
	So sánh quy mô giá trị	So sánh bán kính biểu đồ																															
1995	1,0	1,0																															
2005	1,6	1,3																															
	<p>b. Vẽ biểu đồ</p> <p style="text-align: center;">Yêu cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hai biểu đồ hình tròn có bán kính khác nhau (Các loại khác không cho điểm).</li> <li>- Biểu đồ có đủ các yếu tố (tên, nội dung biểu hiện, chú giải).</li> <li>- Tương đối chính xác về tương quan bán kính và các đối tượng biểu hiện.</li> </ul> <p style="text-align: center;">Biểu đồ quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt phân theo nhóm cây trồng</p> <div style="text-align: center;"> </div>	1,00																															

2	<b>Nhận xét và giải thích (1,5 điểm).</b>	0,75	
	<p>a) <b>Nhận xét :</b></p> <p>Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt năm 2005 có sự thay đổi so với năm 1995</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉ trọng của nhóm cây công nghiệp và nhóm rau đậu tăng (<i>dẫn chứng</i>)</li> <li>- Tỉ trọng của nhóm cây lương thực và các loại cây khác giảm (<i>dẫn chứng</i>)</li> <li>- Tuy nhiên, nhóm cây lương thực vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất (<i>dẫn chứng</i>)</li> </ul>		
	<p>b) <b>Giải thích :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây công nghiệp và nhóm rau đậu tăng tỉ trọng do nước ta đa dạng hóa cơ cấu ngành trồng trọt, hai nhóm này có nhiều lợi thế (đất đai, thị trường, sự khuyến khích của nhà nước) nên phát triển mạnh nhất. Vì vậy, tỉ trọng của chúng tăng lên.</li> <li>- Nhóm cây lương thực và các loại cây khác giảm tỉ trọng là do các nhóm này kém lợi thế hơn (ví dụ: nhóm cây lương thực, mà chủ yếu là lúa, việc tăng diện tích và năng suất là hạn chế).</li> <li>- Nhóm cây lương thực là nhóm cây trồng chủ yếu trong ngành trồng trọt của nước ta, hiện nay nhu cầu vẫn rất lớn nên dù tỉ trọng giảm nhưng vẫn chiếm ưu thế so với các nhóm cây trồng khác.</li> </ul>	0,75	
<b>PHẦN RIÊNG</b>			
III.a	<b>Về các vùng kinh tế (Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Trung du và miền núi phía Bắc).</b>	<b>3,50</b>	
1	<b>Tiềm năng phát triển - Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của Đông Nam Bộ (2,5 điểm).</b>	0,75	
	<p>a) <b>Tiềm năng phát triển kinh tế</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vị trí địa lí: Giáp biển, có biên giới với nước ngoài, giáp nhiều vùng kinh tế trong nước tạo ra nhiều thuận lợi phát triển kinh tế.</li> <li>+ Đất, địa hình, nguồn nước, khí hậu: Địa hình khá bằng phẳng, đất badan, đất xám bạc màu có diện tích lớn, khí hậu cận xích đạo thuận lợi cho cây công nghiệp, hệ thống sông Đồng Nai có tiềm năng thủy điện lớn...</li> <li>+ Sinh vật, khoáng sản: Nằm gần các ngư trường lớn, hệ sinh thái rừng ngập mặn, các khu vườn quốc gia; khoáng sản dầu khí trên vùng thềm lục địa, vật liệu xây dựng...</li> </ul> </li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các điều kiện kinh tế - xã hội <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dân cư - lao động: Nguồn lao động dồi dào đặc biệt lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.</li> <li>+ Cơ sở vật chất - kĩ thuật: Khá hoàn thiện (mạng lưới giao thông, thông tin liên lạc, các khu công nghiệp tập trung - khu chế xuất...).</li> <li>+ Các nhân tố khác: Nhận được sự quan tâm đầu tư phát triển của nhà nước, đặc biệt thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài.</li> </ul> </li> </ul>		0,75
	<p>b) <b>Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm: Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu tức là “nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở tăng cường đầu tư khoa học kĩ thuật và vốn, để vừa tăng thêm tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, vừa bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên.”</li> </ul>		0,25

		<p>- Nguyên nhân vấn đề phát triển theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ được quan tâm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xuất phát từ các tiềm năng của vùng (thuận lợi về điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội).</li> <li>+ Xuất phát từ vị trí của vùng trong nền kinh tế của đất nước (là một trong những vùng có trình độ phát triển kinh tế vào loại bậc nhất cả nước, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, dẫn đầu cả nước về nhiều chỉ tiêu kinh tế).</li> <li>+ Xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế của vùng (nhằm phát huy tối đa các lợi thế vốn có, tiếp tục khẳng định vị trí kinh tế của vùng trong cả nước...).</li> </ul>	0,75
	<b>2</b>	<b><i>Giải thích sự khác biệt về cơ cấu cây trồng của hai vùng... (1,0 điểm).</i></b>	
		- Nêu sự khác biệt về cơ cấu cây trồng: Trung du và miền núi phía Bắc trồng nhiều loại cây dài ngày ưa khí hậu có yếu tố cận nhiệt; Đồng bằng sông Cửu Long nghiêng về các loại cây ngắn ngày ưa khí hậu nóng.	0,25
		- Do sự khác nhau về khí hậu: Trung du và miền núi phía Bắc là vùng có khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh; Đồng bằng sông Cửu Long có khí hậu mang tính chất cận xích đạo.	0,25
		- Do sự khác nhau về địa hình - đất đai: Trung du và miền núi phía Bắc là nơi mà địa hình dốc chiếm ưu thế nên trồng cây dài ngày thích hợp hơn; Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có điều kiện địa hình đất đai nói chung thích hợp hơn cho các loại cây ngắn ngày.	0,25
		- Ngoài các nhân tố trên còn có các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội khác (tập quán canh tác, kinh nghiệm sản xuất...).	0,25
		<b>Hệ thống đảo – Địa hình đồi núi nước ta.</b>	<b>3,50</b>
<b>III.b</b>	<b>1</b>	<b><i>Kể tên các huyện đảo - Ý nghĩa của các đảo và quần đảo (1,5 điểm).</i></b>	
		a. Kể tên các huyện đảo ở nước ta Kể đúng tên và địa chỉ của 10 huyện đảo.	1,00
		b. Ý nghĩa của các đảo và quần đảo trong sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước - Các đảo và quần đảo là cơ sở khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa, tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. - Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế biển: Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, đặc sản, khai thác khoáng sản, giao thông biển, du lịch biển đảo...	0,50
	<b>2</b>	<b><i>Ảnh hưởng của địa hình đồi núi (2,0 điểm).</i></b>	
		a. Đối với sự phát triển kinh tế xã hội * Thuận lợi: - Đối với công nghiệp: Là nơi tập trung nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp. + Dự trữ thủy năng để phát triển thủy điện. + Tập trung các mỏ khoáng sản tạo khả năng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.	0,50

	<p>- Đối với nông, lâm nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài nguyên rừng và đất rừng phong phú tạo điều kiện để phát triển lâm nghiệp.</li> <li>+ Các cao nguyên thuận lợi để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.</li> </ul> <p>- Đối với du lịch: Khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp thuận lợi để hình thành các điểm du lịch nổi tiếng.</p> <p>* Khó khăn: Địa hình bị chia cắt mạnh, là nơi xảy ra nhiều thiên tai gây trở ngại cho các hoạt động kinh tế xã hội (giao thông, khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế giữa các vùng...).</p>	<p>0,50</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p><i>b. Ảnh hưởng đối với cảnh quan tự nhiên</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm cho cảnh quan tự nhiên phân hóa theo chiều cao, trong đó cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đồi núi thấp là kiểu cảnh quan chiếm ưu thế.</li> <li>- Làm cho cảnh quan tự nhiên phân hóa theo chiều bắc - nam, theo chiều đông - tây...</li> </ul>	<p>0,50</p>
<p><b>ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II + III.a (hoặc III.b) = 10,00 điểm</b></p>		

*Nếu thí sinh làm bài không theo dàn ý như trong đáp án, nhưng đủ ý và đúng thì vẫn được điểm tối đa theo thang điểm đã quy định.*

-----Hết-----